



ĐỐI DIỆN VỚI CON NGƯỜI CỦA THUYẾT HIỆN SINH

Nguyễn Tiến Dũng

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Con người của thuyết hiện sinh là con người nhân vị hay con người nghiệm sinh? Cho đến nay, phần lớn các công trình nghiên cứu đều cho rằng con người hiện sinh là nhân vị. Người là một nhân vị, nhưng nền tảng của nhân vị là nghiệm sinh. Vì vậy, phải làm rõ mối quan hệ này và gọi đúng tên sự vật. Đây chính là nội dung của bài viết này.

Từ khóa: thuyết hiện sinh, nghiệm sinh, con người nghiệm sinh, nhân vị

1. Đặt vấn đề

Con người luôn là trung tâm của mọi hình thái ý thức xã hội. Thuyết hiện sinh – một trong những thành tố của hình thái ý thức triết học cho đến nay đã có tuổi đời 77 năm¹, đã vượt qua cái *tuổi hoa niên*, nhưng không ít những vấn đề của thuyết này vẫn gây tốn giấy mực của giới học thuật như gọi tên là chủ nghĩa hiện sinh hay thuyết hiện sinh là đúng hơn; tại sao thuyết hiện sinh lại là những thái độ triết học; con người hiện sinh tên của nó là nhân vị hay là nghiệm sinh...

J.-P. Sartre (1905–1980), một trong những ‘đại đao’ của thuyết hiện sinh đã khẳng định *Thuyết hiện sinh là thuyết nhân bản* vì cho đến nay vẫn là thuyết miêu tả đúng nhất về số phận, lịch sử, đường hướng phát triển của con người trong xã hội hiện đại. Ông cho rằng con người đó là con người của ưu tư. Con người ưu tư vì trách nhiệm của nó với bản thân, với tha nhân và với thế giới nó đang sống.² Bởi thế, hướng nội ở mức cao nhất là tính độc đáo của con người hiện sinh.

Con người chìm trong đời sống nội tâm thường là con người của văn học. Đó là chỗ gặp nhau của con người hiện sinh và con người văn học. Con người đó có tâm lý và tính cách đa chiều, phức tạp kiểu như Yuri Zhivago trong *Bác sĩ Zhivago* của Boris Leonidovich Pasternak

¹ Thuyết hiện sinh ra đời tại Pháp năm 1944. Năm 1994, giới khoa học Pháp đã long trọng kỷ niệm 50 năm ngày ra đời của thuyết hiện sinh. Xem [6].

² Theo ngôn ngữ của thuyết hiện sinh, chúng tôi dùng sống với chứ không phải sống trong.

*Liên hệ: ntdunghueuni@gmail.com

Nhận bài: 12-3-2020; Hoàn thành phản biện: 7-4-2021; Ngày nhận đăng: 7-4-2021

(1890–1960). Tính độc đáo của con người hướng nội là ở chỗ mọi nhận biết đều là kết quả của nghiệm sinh. Chủ thể nối với bên ngoài bằng những nút thắt của cảm xúc dâng tràn, bột phát nên nhiều khi từ ngữ bất lực.

Cho đến nay, sự bất lực lớn nhất của khoa học là chưa thể tiếp cận chân thực về thế giới bên trong sâu thẳm của con người. Nói theo cách nói của nhà triết học Pháp, François Jullien (1951), đó đang là cuộc chiến của *Đại tượng vô hình*³. Thuyết hiện sinh tiếp cận miền sâu ấy như là một sự mở đường cho triết học hiện đại trong nghiên cứu con người. Người ta cho rằng thuyết hiện sinh đã liên minh với *Phân tâm học* của S. Freud (1856–1839) trong tìm hiểu về con người.

Soi rọi vào thân xác, đại bản doanh của thế giới nội tâm, lột tả các cảm xúc, mổ xẻ các trạng huống tồn tại của con người, nhưng thuyết hiện sinh không hướng về hàn lâm viện mà hướng vào những những ý nghĩa đích thực của kiếp người .

2. Nội dung

2.1. Những năm đầu của thập niên thứ hai của thế kỷ XXI đã trở thành năm tháng của *thử – sai* đối với không ít những thành tựu của khoa học và văn hoá. Mới qua một năm (2020) nhưng đã xuất hiện sự *chết lâm sàng*⁴ ở một số lĩnh vực. Trong cơn bão táp đó, nhìn lại lịch sử của thuyết hiện sinh thấy cái chết lâm sàng và cái chết triết học vẫn chưa đến với thuyết này [8, Tr. 65]. Xét về mặt triết học, cho đến thời điểm này (3/2021), lịch sử chưa từng ghi nhận sự chết theo nghĩa đen của bất cứ trường phái *triết học lớn* nào trên thế giới. Cái chết triết học không phải một đi không trở lại, mà tinh lực của chúng tan vào những dòng chảy triết học nối theo “sóng sau đê sóng trước”. Như vậy, chết triết học không có ý nghĩa huỷ diệt mà trong chừng mực nào đó lại là sự ghi nhận những đóng góp của nó với xã hội. Đó là cái lý khoa học để Karl Marx (1818–1883) khẳng định suy tư triết học là “dòng sữa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học” [1, Tr. 156].

Theo Jacques Colette⁵, thuật ngữ thuyết hiện sinh xuất hiện lần đầu năm 1930 ở Italia, nhưng nó trở nên phổ biến vào năm 1944 [7, Tr. 77]. Thời hoàng kim của thuyết hiện sinh ở châu Âu là từ 1945–1960. Sau mười lăm năm làm mưa làm gió, thuyết hiện sinh thành cái vô hình trong các trường phái nhân học triết học trên thế giới. Bởi thế, thuyết hiện sinh chưa từng ‘chết lâm sàng’.

³ François Jullien (2004), *Đại tượng vô hình*, Nxb. Đà Nẵng

⁴ Chết lâm sàng (Clinical Death) là thuật ngữ ngành y chỉ hiện tượng tim người bệnh ngừng đập, não không còn tín hiệu hoạt động nhưng họ vẫn có thể sống lại.

⁵ Jacques Colette (1929), giáo sư Đại học Saint-Louis ở Brussels (1966-1972), Đại học Rabelais de Tours (1986), Đại học Paris I - Panthéon-Sorbonne (1991–1997) và là chủ tịch Danh dự hội Søren Kierkegaard từ 2003.

Là nhân học triết học nên thuyết hiện sinh quan tâm các chủ đề sau: “*Thứ nhất*, hiện hữu⁶ có trước bản chất. Hình thức tồn tại⁷ không quyết định nó là gì. Hiện hữu là cái làm nên bản chất; *thứ hai*, cá nhân không có bản chất có sẵn, bản chất là do lựa chọn; *thứ ba*, sự thật (chân lý) là do cách nhìn (chủ quan) của con người; *thứ tư*, lý tính, trí tuệ bất lực trong mô tả chân thực hiện tồn; *thứ năm*, đối tượng của triết học là những trạng huống của đời sống nội tâm như: cô đơn, xao xuyến, bất định, sợ hãi và sự chờ đợi cái chết; *thứ sáu*, thế giới này là phi lý; *thứ bảy*, các nguyên tắc đạo đức là kết quả trách nhiệm của cá nhân đối với bản thân và tha nhân; *thứ tám*, hành động của cá nhân là bột phát; *thứ chín*, ý chí cá nhân là tự do tuyệt đối; *thứ mười*, lựa chọn là tất định của cá nhân; *mười một*, cá nhân là gì là do cá nhân quyết định”⁸.

Thuyết hiện sinh không rắc rối, mà cách tiếp cận làm cho thuyết hiện sinh trở nên phức tạp. Có hai cách tiếp cận thuyết hiện sinh chủ yếu từ trước đến nay là tôn vinh và hạ thấp. Tôn vinh thuyết hiện sinh, cách này phổ biến ở các nước phát triển. Theo họ, những suy tư hiện sinh không chỉ là nguồn gợi cảm cho cảm hứng hiện sinh mà đã trở thành nhân sinh quan sáng tác và đời sống của một bộ phận trí thức. Hạ thấp thuyết hiện sinh thông qua chính trị hoá thuyết hiện sinh. Khuynh hướng này thường nằm trong các nghiên cứu của các học giả phe xã hội chủ nghĩa trước đây. Điểm được mổ xẻ nhiều nhất là cho thuyết hiện sinh cổ xuý cho lối sống buông thả, tự do cá nhân, kích bầy nổi loạn, hạ thấp đời sống con người... Nói gì thì nói, thuyết hiện sinh là thuyết phi duy lý, lấy đời sống nội tâm con người làm ưu tiên. Vì vậy, khởi thủy của nó là khép kín, là không thể chia sẻ và không cần chia sẻ.

Cho nên, người chỉ hiện hữu trong thế giới nghiệm sinh. Nghiệm sinh là dòng chảy của kinh nghiệm cá nhân. Vì thế, trên cuộc đời này làm gì có hai nghiệm sinh giống nhau. Nghiệm sinh là cái cân để cân đong mức độ hiện hữu của hiện thể. Để nghiệm sinh, trước hết người phải là thân xác. Nietzsche (1844–1900), người khai mào thuyết hiện sinh, đã quả quyết thân xác là giá trị cao nhất của con người. Ông đã đảo hoán giá trị theo quan niệm truyền thống [7, Tr. 27].

Với thuyết hiện sinh, thân xác không phải là cái áo của linh hồn. Thân xác là đời sống thực của linh hồn. Thông qua những cảm xúc của thân xác, con người sống thực với mình và

⁶ Theo tác giả existence nên dịch là hiện hữu sẽ tương thích với thái độ của thuyết hiện sinh hơn tồn tại.

⁷ Trong trường hợp này là tồn tại vì tồn tại chưa chắc đã hiện hữu.

⁸ Nguyên văn tiếng Anh là 1. EXISTENCE precedes ESSENCE. Forms do not determine existence to be what it is. Existence for itself becomes and is whatever it becomes and is, and that existence then makes up its essence. 2. An individual has no essential nature; no self-identity other than that involved in the act of choosing. 3. Truth is subjectivity. 4. Abstraction can neither grasp nor communicate the reality of individual existence. 5. Philosophy must concern itself the human predicament and inner states such as alienation, anxiety, inauthenticity, dread, sense of nothingness, and anticipation of death. 6. The universe has no rational direction or scheme. It is meaningless and absurd. 7. The universe does not provide moral rules. Moral principles are constructed by humans in the context of being responsible for their actions and for the actions of others. 8. Individual actions are unpredictable. 9. Individuals have complete freedom of the will. 10. Individuals cannot help but make choices. 11. An individual can become completely other than what he or she is. [3, Tr. 98, 99]

tránh được những ảo ảnh của bên ngoài. Ở đó, chủ thể lần tìm được những cảm xúc nhỏ nhoi nhất trong chiều sâu của đời sống nội tâm mà trí tuệ với các phân tích, tổng hợp, quy nạp diễn dịch khó chạm tới. Kết luận này của Nietzsche không phải là suy luận mà là sự tổng kết từ hiện hữu của chính cuộc đời ông. Trong giới hạn tận cùng về thân xác, về thể lực của bản thân⁹, ông đã ngộ ra.

Triết lý của Nietzsche đã được Martin Heidegger (1889–1976) hòa điệu và nâng tầm *Người là hữu tại thế*. Nghĩa là người được gọi là người vì người có đó (hữu) ở trên thế gian này. Người là người vì người có thân xác. Heidegger và Nietzsche, kẻ trước người sau, đã nghiệm ra điều quan trọng nhất của con người là con người không có thân xác mà con người là thân xác hay 'Tôi không có thân thể mà tôi là thân thể'. Đó cũng chính là kết luận của nhà hiện sinh màu nhiệm G. Marcel (1889–1973).

Khi các nhà triết học hiện sinh ra tuyên bố triết học người là thân xác không chỉ khẳng định con người đừng đi tìm ý nghĩa cuộc đời này ở những nơi xa xăm, đó chẳng khác gì giá trị ảo trong xã hội số. Thân xác là là một hệ thống sinh học hoàn chỉnh nhất mà con người được quyền sở hữu. Đó là cơ thể sống, là nơi cư trú duy nhất của cảm xúc để nghiệm sinh. Đó là một thế giới sống động. Ở đó, diễn đám cưới của thân xác với những cảm xúc nóng hôi hổi.¹⁰

Chủ nghĩa duy vật trước Marx đã tiếp cận thân xác con người trên quyết định luận về vật chất. Đường hướng này dễ dàng tìm thấy trong triết học của Denis Diderot (1713–1784), Holbach (1723–1789)... Với cách nhìn đó, thân xác được đề cao không chỉ ở lập trường duy vật siêu hình mà còn để chống tôn giáo. Vì thế, không có nét chung với thuyết hiện sinh.

Từ mười một chủ điểm của thuyết hiện sinh, có thể phân thành ba vấn đề lớn: người là kết quả hành động tự phát của bản thân (1, 2, 8, 11); chân lý chỉ là cách nhìn của người (3); đạo đức chỉ là trách nhiệm của cá nhân (7); lựa chọn là bắt buộc (10); tự do ý chí là tuyệt đối (9); thế giới là phi lý (6); trí tuệ bất lực với miêu tả hiện sinh (4); triết học là sự miêu tả những trạng huống hiện sinh (5).

Ba vấn đề trên, thấy thấp thoáng bóng dáng của Kant (1724–1804) trong truy vấn về con người là:

1. Tôi có thể biết gì?
2. Tôi cần phải làm gì?
3. Tôi có thể hy vọng vào cái gì?

⁹ Sức khoẻ kém và bị mù.

¹⁰ Ngược lại ý của của triết gia F. Bacon (1561–1626) là sự liên minh của triết học và khoa học tự nhiên phải là lễ cưới của tinh thần và vũ trụ. Nguyễn Tiến Dũng (2015), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb. KHXH, HN, Tr. 235.

Tuy phân mảng giống nhau nhưng có sự khác biệt lớn. Các vấn đề mà Kant nêu ra là để xác định mối quan hệ giữa con người với thế giới. Thông qua mối quan hệ này, ông kết luận con người là ánh sáng của trí tuệ. Bởi con người của Kant là con người của thời kỳ trí tuệ lên ngôi. Trong khi đó, những vấn đề mà thuyết hiện sinh đưa ra là ngược lại. Nhìn đi, thế giới này là phi lý. Thấy đi, tri thức chỉ là ánh sáng của màu xám. Trong khi đó thì cây đời lại mãi mãi xanh tươi.¹¹ Do vậy, con người hiện sinh luôn ở trong trạng thái *ngơ ngác trong đôi điện với thực tại*. Con người ấy bị quẳng vào đời. Không ai ở đời này có thể chỉ lối cho nó. Nghiệm sinh là cách thức để nó sống với đời và đời cũng tương hỗ với nó bằng con mắt như thế. Vậy thì con người đó là nhân vị hay con người nghiệm sinh? Nhân vị và nghiệm sinh chỉ cách nhau bằng một sợi chỉ mong manh. Có thể hiểu, cái đứng mũi chịu sào cho nhân vị là nghiệm sinh. Logic này đã quy định chiều sâu của nhân vị là nghiệm sinh. Là con người nghiệm sinh nên con người này không thể kết hợp với bất cứ con người nào trong lịch sử triết học. Con người nghiệm sinh cũng không *đông trang phải lứa* với con người của chủ nghĩa thực dụng Mỹ, mặc dù đều khởi hành từ kinh nghiệm. Con người thực dụng Mỹ là con người kinh nghiệm triệt để. Nhờ có kinh nghiệm mà người ta có kỹ năng, thói quen để hành động có hiệu quả nhất. Thước đo của nó là hiệu quả thực tế trong khi đó thước đo của con người nghiệm sinh là cảm xúc hiện sinh.

Con người nghiệm sinh hoàn toàn đối lập với con người của triết học Marx. Với triết học Marx, con người là một hệ thống mở. Độ mở và chất của con người đó phụ thuộc vào sự tương tác với các quan hệ xã hội. Trong khi đó, con người nghiệm sinh có thể được đề cao về độ suy tư hiện sinh. Nghiệm sinh là suy tư nhưng không phải là phản tư. Đó là hai cách tiếp cận thế giới bên trong khác nhau. Điều này đã giúp cho Trần Đức Thảo (1917–1993) khi tranh luận với J.-P. Sartre về hiện tượng học lại kết luận Sartre hiểu không đầy đủ về triết học Marx: “Sartre mời tôi trao đổi ý kiến vì ông muốn chứng minh rằng chủ nghĩa hiện sinh rất có thể cùng tồn tại hoà bình với học thuyết Marx. Sartre không hiểu giá trị chủ nghĩa Marx về chính trị và lịch sử xã hội, ngay cả ý nghĩa triết học Marx ông cũng không hiểu một cách nghiêm túc.” [10, Tr. 1402]

Con người nghiệm sinh, xét một cách toàn diện thì chưa đạt tới trình độ con người phản kháng, hay con người nổi loạn mà chỉ là con người bất đắc chí; vì thế, đừng đi từ tên một cuốn sách mà luận ra tất cả. Qua *Người nổi loạn*, Camus cho thấy lương tri có vai trò như thế nào với đời sống xã hội. Trong khi đó, con người hiện sinh lại thu mình lại trong cái vòng kim cô nghiệm sinh của mình. Con người ấy chưa từng và không bao giờ là con người người của hành động

2.2. Thế giới là vòng quay tất bật nhưng đến năm 2020 bất chợt như dừng lại, tạo ra một khoảng lặng để người ta suy tư về tất cả. Thế giới này mệnh mông quá, nhưng đó không phải là

¹¹ Lấy ý triết lý của Goethe (1749–1832), trong tác phẩm Faust *Mọi lý luận đều là màu xám, riêng cây đời mãi mãi xanh tươi*.

thế giới an bình. Sự vĩ đại của con người được đo bằng tốc độ và giá trị vật chất do con người tạo ra. Đó không phải là tất cả. Tư duy con người vĩ đại quá. Con người đã hạ cánh ở mặt trăng và đang khao khát làm nhà trên sao Hỏa. Đó vẫn không phải là tất cả. Tất cả dường như đang chống lại điều giản dị là sự mong muốn được sự bằng an trong nhân sinh.

Sau 2020, nếu phải lựa chọn một tiêu chí để nhân sinh, phần lớn người ta sẽ chọn an nhiên. Thực ra đây cũng là cách lựa chọn của con người nghiệm sinh mà ít người ngờ tới. Trong cái tổ hợp *Expérience vécue* người mới được bình an. Ở đây, cần tránh quy kết vội vàng là con người hiện sinh chạy trốn thực tại. Bởi, với người nghiệm sinh thì có thực tại đâu mà chạy trốn. Thực tại là chính nó. Nếu hiểu như thế thì cũng không nên quy con người hiện sinh thuộc cánh hữu hay cánh tả. Con người nghiệm sinh, trong một tương quan hẹp nào đó, có thể được xem là con người chủ toàn (perfectionist), con người đó muốn vo tròn hình hài của nó trong một mẫu hình duy nhất. Ý nghĩa của nó chỉ mang một nghĩa là giá trị bao giờ cũng chỉ là một, là duy nhất. Và giá trị là giá trị luôn luôn được xác định trong một thời gian xác định. Do vậy, không có giá trị vô cùng. Bản thân giá trị cũng cần được nuôi dưỡng để lớn lên.

Một vấn đề đặt ra là con người hiện sinh nói riêng và thuyết hiện sinh nói chung sẽ như thế nào trong vòng mười năm tới. Nếu nền kinh tế có chỉ số sức khoẻ thì triết học có vận khí (재산) của nó. Triết học là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội. Vì thế, vận khí của triết học ít nhất phụ thuộc vào hai quan hệ đó là những di biến động của tồn tại xã hội và sự tương tác của các hình thái ý thức xã hội trong sự vận động của chúng.

Kỷ niệm 50 ngày ra đời của thuyết hiện sinh, Michel Contat, Giám đốc CNRS (Trung tâm nghiên cứu khoa học Quốc gia Pháp) đã nhận được câu hỏi: Thuyết hiện sinh có còn là triết học của thời đại nữa hay không? Theo ông, thuyết hiện sinh vẫn sống (trong các trào lưu triết học, trong lối sống, trong văn học – *Người viết thêm vào*) và có cơ tái hiện bởi sự mất an toàn trong xã hội tăng lên [7, Tr. 52, 53]. Ở thời điểm đó, sự mất an toàn bị đe dọa bởi những cú sốc kinh tế (economic shock), vũ khí hạt nhân, nhưng thế con người vẫn là chủ động. Ngược lại, hiện nay sự mất an toàn của nhân loại ở cấp cao hơn, nhưng con người lại bị động

Trước hết cần phải khẳng định đây là thời điểm vàng để thuyết hiện sinh dần thân, nhập cuộc trong gương mặt mới. Mới ở chỗ tái cấu trúc dưới những định dạng mới về mặt lượng. Điều đó có nghĩa là với thuyết hiện sinh, con người hiện sinh không thể chiếm giữ thế thượng phong về triết học như những thập niên giữa thế kỷ XX. Hoàn cảnh khác sẽ quy định vị thế khác. Tuy vậy, dù bất cứ hoàn cảnh nào, khi triết học lo lắng cho thân phận con người thì đều phải trân trọng. Sự vận động của xã hội loài người trong mười năm tới sẽ có những biến động khôn lường khó dự đoán, nhưng giá trị vẫn đứng vững và cao nhất vẫn là giá trị nhân sinh. Thuyết hiện sinh và con người nghiệm sinh sẽ soi mình theo hướng đó trong xã hội chưa có tiền lệ trong lịch sử nhân loại: nền kinh tế số, xã hội số. Tuy vậy, đó cũng là quãng thời gian thuyết hiện sinh và con người nghiệm sinh lộ diện dần những gót chân Achille của nó mà hôm nay

vẫn còn giấu kín. Do vậy, không có một kết luận về thuyết hiện sinh và con người hiện sinh sẽ là kết luận cuối cùng.

3. Kết luận

Con người hiện sinh là con người nghiệm sinh. Nghiệm sinh làm nên nhân vị. Bởi thế nhân vị và nghiệm sinh như bóng và hình thông qua trực thân xác. Xét đến cùng thì có con người nào mà không nghiệm sinh vì nghiệm sinh là quy luật của đời sống. Thuyết hiện sinh không hiểu nghiệm sinh theo hướng đó. Nghiệm sinh là bản năng của thân xác và những trải nghiệm của chủ thể. Bởi thế, nghiệm sinh là suy tư về bản ngã trong thế giới nội tâm. Ở đó, nghiệm sinh chỉ có thể cảm nhận bằng nghiệm sinh. Mỗi trường phái triết học có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong. Cái chết triết học thường được hiểu theo hai hướng: Một đi không trở lại, hoặc trở thành một thành tố trong nội hàm của một triết học khác. Cho đến hôm nay, thuyết hiện sinh và con người của nó vẫn chưa rơi vào tình trạng ‘chết lâm sàng’, khởi đầu cho cái chết triết học

Trong bối cảnh thế giới hiện nay đã xuất hiện những cơ hội cho con người hiện sinh *nhập tịch* lại với đời mang gợi ý triết học: con người luôn luôn phải biết vượt qua chính mình để có những cơ hội sống tốt hơn, ý nghĩa hơn trong hành trình nhân sinh đầy bất trắc vì tất cả chỉ là những dự phóng mà thôi (projet).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (2005), *Toàn tập*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, Tr. 156.
2. Sartre, J.-P. (1975). *Between Existentialism and Marxism* (J. Mathers , Trans.). New York: Pantheon.
3. Angeles, P. A. (1992). *The HarperCollins dictionary of philosophy* (2nd ed.). New York: HarperCollins.
4. Desan, W. (1974). *The Marxism of Jean-Paul Sartre* (the Anchor Books ed). Gloucester: Peter Smith.
5. Blackburn, S. (1994). *The Oxford dictionary of philosophy*. Oxford: Oxford University Press. *Magazine Littéraire*, No 320, Avril 1994.
6. Nguyễn Tiến Dũng (2015), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb. KHXH, HN, Tr. 235.
7. Nguyễn Tiến Dũng (1999). *Chủ nghĩa hiện sinh: Lịch sử và sự hiện diện ở Việt Nam*, Nxb. CTQG, HN, Tr. 52, 53.

8. Nguyễn Tiến Dũng, Phạm Thị Thuý Suong (2020), *Quan niệm của thuyết hiện sinh về cái chết và ý nghĩa của nó với xã hội phát triển*, tạp chí Triết học, số 1, Tr. 65.
9. Nguyễn Tiến Dũng (2019), *Quan niệm của thuyết hiện sinh về sự cô đơn và ý nghĩa nhân sinh của nó với xã hội phát triển*, Tạp chí khoa học đại học Huế: khoa học xã hội và nhân văn. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jssh.v128i6c.5393>.
10. Nguyễn Trung Kiên (2016), *Triết gia Trần Đức Thảo di cảo khảo luận kỷ niệm*, Nxb. DHH, Thừa Thiên – Huế.

FACING THE MEN OF EXISTENTIALISM

Nguyen Tien Dung

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract. Is the man of existentialism an existential or living being? Up to now, most of the research works have considered that existential human beings are human personalities. A human is a personality, but the basis of personality is living experience. In this paper, the author clarifies this relationship and states the essence of these phenomena.

Keywords: existentialism, living experience, human being, personality